

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 01-10-2019
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 115/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXX-ST ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm: 1994; Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp 01, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

Bị đơn: Anh Đào Kim T, sinh năm: 1994; Địa chỉ cư trú: Tổ 02, ấp 01, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 26 tháng 3 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thùy L trình bày:

Chị Nguyễn Thùy L và Anh Đào Kim T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, Anh T thường nhậu nhẹt về mắng chửi vợ con, có khi Anh T còn đánh đập Chị L. Vợ chồng thường cãi vã nên tự sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay Chị L xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với Anh Đào Kim T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Đào Gia H, sinh năm: 2013. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, Chị L rút yêu cầu về việc giải quyết việc nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Anh Đào Kim T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về hôn nhân: Anh T trình bày quá trình chung sống, kết hôn như trình bày của Chị L. Anh T nhận thấy hôn nhân giữa Chị L và Anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện vợ chồng đã tự sống ly thân nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Chị L.

Về con chung: Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Đào Gia H, sinh năm: 2013. Không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Chị L có mặt, xin rút yêu cầu giao nuôi con chung, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Bị đơn Anh T vắng mặt xin giải quyết vụ án vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho Chị L được ly hôn với Anh T, giao con chung cho Anh T trực tiếp nuôi; Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn Chị Nguyễn Thùy L, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Do Chị Nguyễn Thùy L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Anh Đào Kim T, có nơi cư trú tại: Tổ 2, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Anh Đào Kim T vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Anh T theo quy định tại điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thùy L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy L và Anh Đào Kim T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012 đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn theo Chị L thì nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, Anh T thường nhậu nhẹt nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Theo Anh T vợ chồng tự sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay mỗi người tự sống riêng, mạnh ai nấy sống, không quan tâm nhau nay Chị L yêu cầu xin ly hôn Anh T cũng đồng ý ly hôn. Theo biên bản xác minh của Tòa án thì Chị L và Anh T mâu thuẫn đã tự sống ly thân với nhau, Chị L dọn ra ngoài sống, Anh T đang sống cùng mẹ ruột và trực tiếp nuôi con chung. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L và Anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị L, cho Chị Nguyễn Thùy L được ly hôn với Anh Đào Kim T.

[2.2]. Về con chung: Các đương sự thống nhất có 01 con chung Đào Gia H, sinh năm: 2013. Tại phiên tòa, chị L đề nghị rút yêu cầu về việc giải quyết nuôi con chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung của Chị L là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung không nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thùy L.

Cho Chị Nguyễn Thùy L được ly hôn với Anh Đào Kim T.

2. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của nguyên đơn Chị L về việc nuôi con chung .

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003504 ngày 18/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh – VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M, huyện C, Tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu HS+VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà